TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:16/2020/HS-ST
Ngày: 04-6-2020.

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Dũng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Trọng Hà; Ông Vũ Thanh Hương.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- Đ1 diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2020/TLST-HS, ngày 14 tháng 4 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2020 đối với:

* Bị cáo Trần Đức Đ1, S ngày: 28/12/1992. Nơi sinh: Đồng Nai.
Nơi cư trú: Ấp T, xã T2, huyện T3, tỉnh Đồng Nai.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Trần Đức N, S năm 1960 (đã chết) và bà Vũ Thị N1, S năm 1965 (đã chết).
Vợ, con: Chưa có.
Tiền án, tiền sự: Không.
Về nhân thân: Ngày 15/12/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội "Cố ý gây thương tích". Chấp hành xong ngày 18/4/2014.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/11/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng."Có mặt".

*** Người bị hại:**
1. Anh Phạm Văn T4, S năm: 1979.
Địa chỉ: Tổ dân phố 3C, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**
Anh Trần Đức H, S năm: 1991.
Địa chỉ: Ấp T, xã T2, huyện T3, tỉnh Đồng Nai. "Có mặt".

*** Người làm chứng:**
1. Anh Cao Quốc S, S năm 2001.

Địa chỉ: Ấp T, xã T2, huyện T3, tỉnh Đồng Nai. " Vắng mặt".

2. Anh Nguyễn Trung T5, Sinh năm: 1996

Địa chỉ: Ấp T, xã T2, huyện T3, tỉnh Đồng Nai. " Vắng mặt".

3. Anh Phạm Thanh T6, Sinh năm: 1996

Địa chỉ: Ấp M, xã T2, huyện T3, tỉnh Đồng Nai. " Vắng mặt".

4. Chị Phạm Thị H1, Sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 05/2019, Lê Minh T7, Sinh năm 1985, trú tại Ấp 2, xã T2, huyện T3, tỉnh Đồng Nai, làm nghề lái xe tại xưởng xay cây Tràm của Công ty A, thuộc TDP 3C, Thị trấn Đ, huyện Đ. Thời gian làm tại xưởng, Lê Minh T7 biết trong vườn phía sau xưởng có một cây mai vàng to và có giá trị. Khoảng giữa tháng 08/2019, Lê Minh T7 đến nhà của Nguyễn Trung T5, ở ấp L2, xã T2, huyện T3, tỉnh Đồng Nai chơi. Sau đó, Lê Minh T7 nghe Nguyễn Trung T5 và Trần Đức Đ1 nói chuyện về giá mai cảnh bán được tiền nên T7 nảy sinh ý định đào trộm cây mai ở xưởng. Vì vậy, Lê Minh T7 hỏi Nguyễn Trung T5 và Đ1 ở đây có mua mai không, Nguyễn Trung T5 hỏi là mai ở đâu thì Lê Minh T7 nói là mai ở chỗ T7 làm ở Đ và T7 nói cây mai này được chủ xưởng cho. Sau đó, Đ1 xin số điện thoại của T7 và hẹn khi nào lên Đ xem mai sẽ gọi cho T7. Đến ngày 18/8/2019, Đ1 và Nguyễn Trung T5 lên huyện Đ và điện thoại cho T7 để xem mai nhưng T7 nói xưởng xay cây Tràm có nhiều người nên không dẫn đi xem mai được. Đến trưa ngày 20/8/2019, Đ1 rủ Phạm Thanh T6 đến huyện Đ để xem và đào mai nhưng không đào được nên Đ1 và T6 quay về. Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 22/8/2019, Đ1 rủ và nói S đi đào mai cho Đ1 ở huyện Đ, S đồng ý. Khi đến Đ, Đ1 và S vào quán cà phê V, ở TDP2D, Thị trấn Đ, huyện Đ uống nước rồi gọi điện thoại cho T7 ra dẫn đường vào đào mai. Khi gặp nhau, Đ1 và T7 bàn bạc về việc đào mai nhưng do chưa có dụng cụ đào mai và trong người Đ1 không có tiền nên Đ1 nói T7 đưa tiền để mua dụng cụ. Sau đó, T7 đưa cho Đ1 200.000 đồng rồi T7 đi vào xưởng xem có người trong xưởng hay không, nếu không có người thì Thành sẽ gọi điện, còn Đ1 chở S đi mua 01 cái cuốc, 02 cái xẻng và 01 cái cưa cầm tay. Sau khi mua được dụng cụ, Đ1 và S đến vị trí cây mai thì thấy gốc cây mai có nhiều cỏ vun đắp, Đ1 nghi ngờ nên gọi điện thoại nói T7 xuống để nói chuyện. Trong lúc đợi Thành xuống thì Đ1 và S bắt đầu dọn cỏ và đào đất xung quanh gốc mai. Một lúc sau, T7 xuống nói với Đ1 là cây mai này không phải của T7, chủ của cây mai là ai thì T7 cũng không biết. Sau khi biết cây mai không phải của T7 mà là của người khác nhưng tiếc công đào nên Đ1 nảy S ý định chiếm đoạt cây mai. Đ1 không nói gì với S về nguồn gốc cây mai, mà chỉ nói với S là "tí nếu có ai ra hỏi hay nói gì cây mai thì em cứ bảo họ bán thì mua, còn họ bắt bồi thường thì bồi thường", S trả lời "dạ tí nữa có ai ra thì em nói như ý anh". Sau đó, Đ1 gọi điện cho Nguyễn Trung T5 và Phạm Thanh T6 ở huyện T3 lên giúp đào mai. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Nguyễn Trung T5 và T6 đến vị trí cây mai Đ1

và S đang đào. Cùng lúc này, chị Phạm Thị H1 ra xem vườn và phát hiện có người đào trộm mai nên đã gọi điện báo cho anh trai là anh Phạm Văn T4. Sau đó, anh T4 điện báo Công an huyện Đ đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa Cao Quốc S và Phạm Thanh T6 về làm việc, còn Đ1 và Nguyễn Trung T5 đã bỏ trốn.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSĐT ngày 14 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nH dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Trần Đức Đ1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đức Đ1 từ 24 *(Hai mươi bốn)* đến 30 *(Ba mươi)* tháng tù và không đề nghị hình phạt bổ sung là hình (phạt tiền) theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.
Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Phạm Văn T4 không yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.
Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy. 01 cưa tay bằng kim loại, dài 46^{cm}, đầu rộng nhất 05^{cm}, đầu nhỏ nhất 1,5^{cm}, phần lưỡi cưa dài 35^{cm}, phần tay cầm hình tròn có đường kính 2,5^{cm}; 01 cái cuốc dài 1,08^{m}, phần cán cuốc bằng gỗ dài 01^{m}, đường kính cán 03^{cm}, phần lưỡi cuốc bằng kim loại, có bản rộng nhất 13 ^{cm}, bản nhỏ nhất 09^{cm}, chiều dài lưỡi cuốc 20^{cm}; 01 cái xẻng dài 1,21^{m}, phần cán bằng gỗ dài 97^{cm}, đường kính cán 03^{cm}, phần lưỡi xẻng bằng kim loại dài 39^{cm}, bản rộng nhất 22^{cm}; 01 cái xẻng dài 1,35^{m}, phần cán bằng gỗ dài 01^{m}, đường kính cán 03^{cm}, phần lưỡi xẻng bằng kim loại dài 42^{cm}, bản rộng nhất 23,5^{cm}.
Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo Trần Đức Đ1 nói lời sau cùng bị cáo nhận thấy hành vi bị cáo thực hiện là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình và hoà nhập có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:
[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp. Bị cáo không có ý kiến gì thừa nhận hành vi phạm tội của mình.
[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng có trong hồ sơ và được chứng minh bằng: Theo Kết luận định giá tài sản số 31/2019/KL-HĐĐGTTHS ngày 27/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự

huyện Đ xác định giá trị cây có mai đường kính gốc 30^{cm}, từ gốc cây mai lên 25^{cm} được chia thành 06 nhánh, cây mai có chiều cao 03^{m}, đường kính tán là 7^{m}40 do Đ1 và T5 chiếm đoạt của anh T4 trị giá là 60.000.000 đồng. Đối chiếu các chứng cứ, tài liệu đã thu thập phản ánh trong hồ sơ đã được kiểm tra tại phiên tòa và các quy định của pháp luật đã có đủ cơ sở kết luận. Bị cáo Trần Đức Đ1 đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 22/8/2019, Trần Đức Đ1 chở Cao Quốc S vào huyện Đ để đào mai cho Thành. Khi đến Đ, T7 đưa cho Đ1 200.000 đồng đi mua dụng cụ đào mai gồm 01 cái cuốc, 02 cái xẻng và 01 cái cưa cầm tay. Sau đó, Đ1 và S đến vị trí cây mai thì nhìn thấy gốc cây mai có nhiều cỏ vun đắp nên Đ1 điện thoại gọi T7 xuống để nói chuyện. Trong lúc đợi T7, Đ1 và S dọn cỏ và đào đất xung quanh gốc mai. Sau đó, T7 xuống nói với Đ1 là cây mai này không phải của T7, chủ của cây mai là ai T7 cũng không biết. Sau khi biết cây mai không phải của T7 nhưng tiếc công đào nên Đ1 nảy S ý định chiếm đoạt cây mai có đường kính gốc là 30^{cm}, từ gốc cây mai lên 25^{cm} được chia thành 06 nhánh, cây mai có chiều cao 03^{m}, đường kính tán là 7^{m}40 trị giá là 60.000.000 đồng. Đây là vụ án trộm cắp tài sản do Trần Đức Đ1 và T5 trực tiếp thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây lo lắng và bất bình trong đời sống cộng đồng.

[4] Về nhân thân: Ngày 15/12/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội "Cố ý gây thương tích". Chấp hành xong ngày 18/4/2014.

[5] Về hình phạt: Bị cáo Trần Đức Đ1 là thanh niên trẻ, có sức khỏe, nhưng ham chơi, lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài nên đã lao vào con đường phạm tội. Bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật sẻ bị xử lý nhưng vẫn cố ý thực hiện. Cho thấy bị cáo cũng rất coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác. Vì vậy, cần có một bản án tương xứng đối với hành vi của bị cáo. Do đó cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, vừa để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật vừa giữ gìn an ninh trật tự, cải tạo giáo dục bị cáo thành người hữu ích cũng như có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung trong đời sống cộng đồng. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét, chiếu cố cho bị cáo vì trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà hôm nay bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.
Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung là (phạt tiền) theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

Trong vụ án này, còn có bị can Lê Minh T7 là người nảy S ý định trộm cắp cây mai và có hành vi nói dối Đ1 là cây mai của chủ xưởng cho T7. Đồng thời, T7 là

người đưa tiền cho Đ1 mua dụng cụ và chỉ vị trí cây mai và canh người cho Đ1 đào trộm. Ngày 21 tháng 10 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với bị can Lê Minh T7 về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 60 ngày 23/10/2019 và Lệnh bắt bị can để tạm giam số 10 ngày 05/11/2019 đối với bị can Lê Minh T7. Tuy nhiên, T7 đã bỏ trốn khỏi địa phương và chưa xác định được T7 đang ở đâu. Ngày 10/12/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra Quyết định truy nã bị can T7 cho đến nay thời hạn điều tra đã hết. Vì vậy, ngày 27/3/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện Đ ra quyết định tách vụ án hình sự số 01, đối với bị can Lê Minh T7 để xử lý sau. Hội đồng xét xử thấy vậy là phù hợp nên không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Theo các tài liệu đã phản ánh trong hồ sơ và tại phiên toà người bị hại là anh Phạm Văn T4 không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Xét các vật chứng sau không còn giá trị cần tịch thu tiêu hủy: 01 cưa tay bằng kim loại, dài 46^{cm}, đầu rộng nhất 05^{cm}, đầu nhỏ nhất 1,5^{cm}, phần lưỡi cưa dài 35^{cm}, phần tay cầm hình tròn có đường kính 2,5^{cm}; 01 cái cuốc dài 1,08^{m}, phần cán cuốc bằng gỗ dài 01^{m}, đường kính cán 03^{cm}, phần lưỡi cuốc bằng kim loại, có bản rộng nhất 13 ^{cm}, bản nhỏ nhất 09^{cm}, chiều dài lưỡi cuốc 20^{cm}; 01 cái xẻng dài 1,21^{m}, phần cán bằng gỗ dài 97^{cm}, đường kính cán 03^{cm}, phần lưỡi xẻng bằng kim loại dài 39^{cm}, bản rộng nhất 22^{cm}; 01 cái xẻng dài 1,35^{m}, phần cán bằng gỗ dài 01^{m}, đường kính cán 03^{cm}, phần lưỡi xẻng bằng kim loại dài 42^{cm}, bản rộng nhất 23,5^{cm}.

[8] Về án phí: Áp dụng các điều 135 và điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Trần Đức Đ1 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Đức Đ1 phạm tội: " Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đức Đ1 24 *(Hai mươi bốn)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày 07/11/2019, ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

[2] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy: 01 cưa tay bằng kim loại, dài 46^{cm}, đầu rộng nhất 05^{cm}, đầu nhỏ nhất 1,5^{cm}, phần lưỡi cưa dài 35^{cm}, phần tay cầm hình tròn có đường kính 2,5^{cm}; 01 cái cuốc dài 1,08^{m}, phần cán cuốc bằng gỗ dài 01^{m}, đường kính cán 03^{cm}, phần lưỡi cuốc bằng kim loại, có bản rộng nhất 13 ^{cm}, bản nhỏ nhất 09^{cm}, chiều dài lưỡi cuốc 20^{cm}; 01 cái xẻng dài 1,21^{m}, phần cán bằng gỗ dài 97^{cm}, đường kính cán 03^{cm}, phần lưỡi xẻng bằng kim loại dài 39^{cm}, bản rộng nhất 22^{cm};

01 cái xẻng dài 1,35^{m}, phần cán bằng gỗ dài 01^{m}, đường kính cán 03^{cm}, phần lưỡi xẻng bằng kim loại dài 42^{cm}, bản rộng nhất 23,5^{cm}.

Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án huyện Đạ Tẻh đang tạm giữ theo biên bản bàn giao ngày 15/4/2020 giữa Cơ quan Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ .

[3] Về án phí: Áp dụng các điều 135 và điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Đức Đ1 phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của BLTTHS. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo nội dung bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Công an huyện Đ;*
- *Bị cáo;*
- *Người bị hại;*
- *Thi hành án dân sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Tiến Dũng